

PHỤ LỤC VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC VI KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/2019/QĐ-UBND
NGÀY 20/12/2019 CỦA UBND TỈNH VỀ BAN HÀNH BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT
VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HƯỚNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số: 04/2025/QĐ-UBND ngày 14/02/2025
của UBND tỉnh Quảng Trị)

I. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Đất ở đô thị

1.1 Đất ở Thị trấn Khe Sanh

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	13.000	4.550	3.380	2.600
1b	11.000	3.850	2.860	2.200
1c	9.000	3.150	2.340	1.800
1d	7.000	2.450	1.820	1.400
2a	5.400	1.890	1.404	1.080
2b	4.200	1.470	1.092	840
2c	3.500	1.225	910	700
2d	2.800	980	728	560
3a	2.500	875	650	500
3b	2.100	735	546	420
3c	1.700	595	442	340
3d	1.300	455	338	260
4a	1.100	385	286	220
4b	900	315	234	180
4c	700	245	182	140
4d	550	193	143	110

1.2. Đất ở Thị trấn Lao Bảo

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	14.500	5.075	3.770	2.900
1b	12.500	4.375	3.250	2.500
1c	10.500	3.675	2.730	2.100
1d	8.500	2.975	2.210	1.700
2a	6.500	2.275	1.690	1.300
2b	5.300	1.855	1.378	1.060
2c	4.300	1.505	1.118	860
2d	3.300	1.155	858	660
3a	2.700	945	702	540

3b	2.200	770	572	440
3c	1.700	595	442	340
3d	1.400	490	364	280
3e	1.200	420	312	240
4a	1.050	368	273	210
4b	850	298	221	170
4c	650	228	169	130
4d	530	186	138	106

2. Đơn giá đất ở tại nông thôn

2.1 Đất ở xã miền núi

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6
1	2.000	1.500	1.000	450	250	100
2	1400	1050	700	315	175	70
3	1040	780	520	234	130	52
4	760	570	380	171	95	38

2.2. Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5	Khu vực 6
1		4.300	2.500	1.400	900	400
2		1.505	875	490	315	140
3		1.118	650	364	234	104
4		860	500	280	180	80

II. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

1. Phân loại đường phố

1.1. Phân loại đường phố Thị trấn Khe Sanh: Áp dụng Bảng 1.1 mục I Phụ lục VI

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
1	Lê Duẩn, Phải tuyến (QL1A)	Từ giáp đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Lê Lợi, tờ bản đồ số 79.	1a
2	Lê Duẩn, Trái tuyến (QL1A)	Từ giáp xã Tân Hợp đến hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 79.	1a
3	Lê Duẩn, Phải tuyến (QL1A)	Từ giáp đường Lê Lợi, tờ bản đồ số 79 đến giáp cầu Khe Sanh.	1b
4	Lê Duẩn, Trái tuyến (QL1A)	Từ thửa đất số 69, tờ bản đồ số 79 đến đến giáp cầu Khe Sanh.	1b
5	Lê Duẩn	Đoạn từ cầu Khe Sanh đến giáp xã Tân Liên.	2a
6	Lê Lợi	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Duẩn	2a

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
7	Hùng Vương, Phải tuyến	Từ thửa đất số 88, tờ bản đồ số 87 đến giáp đường Lê Lợi.	1c
8	Hùng Vương, Phải tuyến	Từ thửa đất số 89, tờ bản đồ số 87 đến giáp đường Lê Lợi.	1c
9	Hai Bà Trưng	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Ngô Sỹ Liên	2d
10	Ngô Sỹ Liên, Phải tuyến	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Hai Bà Trưng	2d
11	Ngô Sỹ Liên, Trái tuyến	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 260, tờ bản đồ số 75	2d
12	Ngô Sỹ Liên, Phải tuyến	Đoạn từ hết thửa đất số 260, tờ bản đồ 75 đến hết thửa đất số 64, tờ bản đồ 81	4a
13	Ngô Sỹ Liên, Trái tuyến	Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 81	4a
14	Hùng Vương, Trái tuyến	Từ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 87 đến giáp đường Lê Lợi.	1c
15	Hùng Vương (cũ), Phải tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 69.	3d
16	Hùng Vương (cũ), Trái tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 69.	3d
17	Hùng Vương mới	Từ Lê Lợi đến hồ Tân Độ	2b
18	Hùng Vương	Từ hồ Tân Độ đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 46	3d
19	Nguyễn Trãi	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi.	2a
20	Nguyễn Trãi, Phải tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 74.	4b
21	Nguyễn Trãi, Trái tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 74.	4b
22	Hồ Chí Minh	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến ngã ba đường Phan Đình Phùng.	2a
23	Hồ Chí Minh	Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến hết Km1.	2c
24	Hồ Chí Minh	Từ hết Km1 đến giáp xã Hướng Tân.	3c
25	Hàm Nghi	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi.	2d
26	Hàm Nghi, Phải tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 190, tờ bản đồ số 73.	4d
27	Hàm Nghi, Trái tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 73.	4d
28	Chu Văn An	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Nguyễn Khuyến	2d
29	Phan Đình Phùng	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp	3b

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
		đường Lê Lợi	
30	Phan Đình Phùng	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp đường HCM.	3c
31	Đường 9/7	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Duẩn	3b
32	Phan Chu Trinh	Từ đường Hùng Vương đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng	3b
33	Đinh Tiên Hoàng	Từ đường Lê Duẩn đến giao ngã tư đường Phan Chu Trinh	3b
34	Đinh Tiên Hoàng	Đoạn giao đường Phan Chu Trinh đến giáp cầu đi Pa Nho	4a
35	Đinh Công Tráng	Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi	3a
36	Đinh Công Tráng, Phải tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết giáp đường khối, tờ bản đồ số 69.	4b
37	Đinh Công Tráng, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 69.	4b
38	Chế Lan Viên	Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi	3a
39	Đào Duy Từ	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh	3a
40	Đào Duy Từ (nhánh rẽ)	Đoạn từ đường Đào Duy Từ đến giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4a
41	Trường Chinh	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hoàn	3b
42	Phạm Hùng	Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Hàm Nghi	3b
43	Nguyễn Hữu Thận	Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi	3b
44	Nguyễn Hữu Thận, Phải tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 31, tờ bản đồ số 74.	4b
45	Nguyễn Hữu Thận, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 74.	4b
46	Võ Thị Sáu	Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi.	3b
47	Võ Thị Sáu, Phải tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 286, tờ bản đồ số 69.	4b
48	Võ Thị Sáu, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 298, tờ bản đồ số 69.	4b
49	Bùi Thị Xuân	Đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến giáp đường Hà Huy Tập	3b
50	Bùi Thị Xuân	Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến giáp đường Hồ Sỹ Thản.	4b
51	Nguyễn Đình Chiểu	Từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Dục Tài.	3b
52	Nguyễn Đình Chiểu	Từ đường Bùi Dục Tài đến giáp đường Phan Chu Trinh	4b

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
53	Nguyễn Đình Chiêu	Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 79	4b
54	Nguyễn Viết Xuân	Đoạn bắt đầu từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa và nhà bà Đinh Thị Xuân.	3b
55	Nguyễn Viết Xuân, Phải tuyến	Từ Lê Duẩn đến hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 79.	3d
56	Nguyễn Viết Xuân, Trái tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 06, tờ bản đồ số 79.	3d
57	Lê Quang Đạo	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Công ty Cao su Khe Sanh	3c
58	Trương Định	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Đình Phùng	3c
59	Trương Định, Phải tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 69.	4b
60	Trương Định, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 69.	4b
61	Trần Hữu Dực, Phải tuyến	Từ đường Hai Bà Trưng đến hết thửa đất số 49, tờ bản đồ số 81.	3c
62	Trần Hữu Dực, Trái tuyến	Từ đường Hai Bà Trưng đến hết thửa đất số 50, tờ bản đồ số 81.	3c
63	Trần Cao Vân, Phải tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 72, tờ bản đồ số 77.	3c
64	Trần Cao Vân, Trái tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 77.	3c
65	Trần Cao Vân	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Đoàn Khuê.	4c
66	Trần Cao Vân (nhánh rẽ)	Đoạn từ đường Trần Cao Vân đến giáp xã Tân Liên	3c
67	Trần Hoàn	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Xí nghiệp cấp thoát nước Khe Sanh	3d
68	Trần Hoàn	Đoạn từ nhà máy nước đến giáp xã Tân Liên.	4b
69	Nguyễn Khuyến, Phải tuyến:	Từ đường Phan Chu Trinh đến hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 87.	3d
70	Nguyễn Khuyến, Trái tuyến:	Từ đường Phan Chu Trinh đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 87.	3d
71	Nguyễn Khuyến, Phải tuyến:	Từ hết thửa đất số 147, tờ bản đồ số 87 đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 93.	4d
72	Nguyễn Khuyến, Trái tuyến:	Từ đường khối, tờ bản đồ số 87 đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 93.	4d
73	Hà Huy Tập, Phải tuyến:	Từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 05, tờ bản đồ số 76.	3d

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
74	Hà Huy Tập, Trái tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 76.	3d
75	Hà Huy Tập, Phải tuyến	Từ thửa đất số 05, tờ bản đồ số 76 đến giáp xã Tân Hợp.	4b
76	Hà Huy Tập, Trái tuyến	Từ hết thửa đất số 15, tờ bản đồ số 76 đến giáp xã Tân Hợp.	4b
77	Phạm Ngũ Lão, Phải tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 256, tờ bản đồ số 73.	3d
78	Phạm Ngũ Lão, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 73.	3d
79	Lê Hành, Phải tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 81.	3d
80	Lê Hành, Trái tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 81	3d
81	Lê Hành, Phải tuyến	Từ thửa đất số 26, tờ bản đồ số 81 đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 81	4b
82	Lê Hành, Trái tuyến	Từ hết thửa đất số 25, tờ bản đồ số 81 đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 81.	4b
83	Trương Công Kinh	Từ Lê Duẩn đến giáp đường khối	4a
84	Trương Công Kinh	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Cao Vân.	4c
85	Đoàn Khuê	Từ Lê Duẩn đến Lê Quang Đạo	4a
86	Văn Cao, Phải tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 207, tờ bản đồ số 73.	4b
87	Văn Cao, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 206, tờ bản đồ số 73.	4b
88	Lê Thánh Tông, Phải tuyến:	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 197, tờ bản đồ số 74.	4b
89	Lê Thánh Tông, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 189, tờ bản đồ số 74.	4b
90	Đặng Thai Mai	Đầu đường đến Cuối đường	4b
91	Nguyễn Hữu Thọ	Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp đường Bùi Dục Tài	4b
92	Nguyễn Thị Định, Phải tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 72, tờ bản đồ số 74.	4b
93	Nguyễn Thị Định, Trái tuyến	Từ đường Lê Lợi đến hết thửa đất số 100, tờ bản đồ số 74.	4b
94	Nguyễn Văn Linh	Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Thị Xuân	4b
95	Trần Nguyên Hãn, Phải tuyến	Từ đường Hùng Vương đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 87.	4b
96	Trần Nguyên Hãn, Trái tuyến	Từ đường Hùng Vương đến giáp đường khối, tờ bản đồ số 87.	4b

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
97	Trần Quang Khải	Từ đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Trương Định.	4b
98	Bùi Dục Tài	Đoạn từ giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	4b
99	Bùi Dục Tài	Từ đường Đào Duy Từ đến hết giáp đường Nguyễn Viết Xuân	4c
100	Bùi Dục Tài	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	4c
101	Nguyễn Biểu	Đầu đường đến Cuối đường	4c
102	Hồ Sỹ Thản, Phải tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Hà Huy Tập	4d
103	Hồ Sỹ Thản, Trái tuyến	Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Hà Huy Tập	4d

Các đoạn đường còn lại có mặt cắt

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau

1	- Mặt cắt từ 25m trở lên:	3c
2	- Mặt cắt từ 15m đến dưới 25m:	3d
3	- Mặt cắt từ 8m đến dưới 15m:	4a
4	- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:	4b
5	- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:	4c

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

1	- Mặt cắt từ 25m trở lên:	3d
2	- Mặt cắt từ 15m đến dưới 25m:	4a
3	- Mặt cắt từ 8m đến dưới 15m:	4b
4	- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:	4c
5	- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:	4d

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

1.2. Phân loại đường phố Thị trấn Lao Bảo: Áp dụng bảng 1.2 mục I phụ lục VI

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
1	Quốc lộ 9	Đoạn từ đường Kim Đồng đến đường Nguyễn Tri Phương và từ thửa 116, tờ bản đồ 33 (Bà Nhân) đến giáp thửa đất số 267, tờ bản đồ số 17 (Ông Thoan)	1a
2	Quốc lộ 9	Đoạn từ cầu A Trùm đến giáp đường Kim Đồng và hết thửa 131, tờ bản đồ 33 (Ông Lưu)	1c
3	Quốc lộ 9	Nguyễn Tri Phương đến Giáp	1c

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
		cửa khẩu Lao Bảo	
4	Trần Hưng Đạo	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp Quốc lộ 9;	1b
5	Lý Thường Kiệt	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Phan Bội Châu;	1b
6	Nguyễn Huệ	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Quý Đôn;	1c
7	Nguyễn Huệ	Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết.	1d
8	Trần Phú	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp Quốc lộ 9.	1c
9	Trần Mạnh Quỳ	Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Ngô Quyền.	2a
10	Phạm Văn Đồng	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.	2c
11	Lê Quý Đôn	Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Huệ.	2b
12	Lê Quý Đôn	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Hoàng Hoa Thám.	2c
13	Các đoạn đường của khu đấu giá đất thuộc khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo (chưa được đặt tên có mặt cắt đường từ 6m đến dưới 8m)	Trong khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo	3b
15	Mai Thúc Loan	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Ngô Quyền.	2d
16	Ngô Quyền	Đoạn từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Phan Bội Châu.	3a
17	Lê Hồng Phong	Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến hết thửa đất số 71, tờ bản đồ số 11 (ông Minh) và hết thửa đất số 34, tờ bản đồ số 11 (Đất KCN)	3a
18	Lê Hồng Phong (nối dài)	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp thửa đất số 71, tờ bản đồ số 11 và hết thửa đất số 35, tờ bản đồ số 11 (Đất Bà Oanh).	3c
19	Bạch Đằng	Đoạn từ đường Trần Phú đến giáp đường Phan Bội Châu.	3b
20	Hoàng Hoa Thám	Đoạn từ đường Phan Bội Châu đến giáp đường Lê Thế Tiết.	3b
21	Hoàng Hoa Thám	Từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn.	3e

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
22	Lê Thế Tiết	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết thửa đất số 171 (hết thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Ninh), tờ bản đồ số 31 và thửa 228 (hết thửa đất ông Nguyễn Chí Tuệ), tờ bản đồ số 31.	3b
23	Lê Thế Tiết	Đoạn từ thửa số 170, tờ bản đồ số 31 (Ông Sang) và thửa đất số 229, tờ bản đồ số 31 (Ông Diễn) đến Giáp đường Thạch Hãn.	3e
24	Phan Bội Châu	Từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Lý Thường Kiệt.	3c
25	Tôn Đức Thắng	Từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.	3c
26	Huyền Trân Công Chúa	Từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.	3c
27	Hai Bà Trưng (Đường Cù Bai cũ)	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.	3c
28	Lê Thế Hiếu	Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.	3d
29	Nguyễn Tri Phương	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Minh Mạng (dự kiến đặt tên).	3d
30	Nguyễn Chí Thanh	Từ Quốc lộ 9 đến Nguyễn Tri Phương.	3d
31	Kim Đồng	Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.	3d
32	Lý Thái Tổ	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.	3d
33	Cao Thắng	Đoạn từ đường Kim Đồng đến giáp đường Ngô Gia Tự.	3d
34	Nguyễn Trường Tộ	Đoạn từ nhà ông Tiếp đến giáp đường Hải Thượng Lãn Ông.	3e
35	Nguyễn Gia Thiều	Từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến giáp đường Lý Thái Tổ.	3d
37	Tổ Hữu	Giáp đường Thạch Hãn đến hết thửa đất số 102 (hết sân bóng đá Linh Dương), tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 65 (hết thửa đất ông Nguyễn Khắc Sở), tờ bản đồ số 38.	3e
38	Tổ Hữu nối dài	Từ thửa đất số 102 (hết sân bóng đá Linh Dương), tờ bản đồ số 38 và thửa đất số 65 (hết thửa đất	4a

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
		ông Nguyễn Khắc Sở), tờ bản đồ số 38 đến giáp đường Thạch Hãn.	
39	Minh Mạng (Đường tuyến 1 (Khu tái định cư Lao Bảo-Tân Thành) cũ)	Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Đại Hành	3d
40	Hữu Nghị	Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.	4a
41	Ngô Gia Tự	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Hải Thượng Lãn Ông.	4b
42	Lê Lai	Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Lê Văn Huân.	4a
43	Lê Lai	Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Hồng Chương.	4b
44	Nguyễn Văn Tường (Đường Thạch Hãn cũ)	Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến đường Thạch Hãn	4a
45	Thạch Hãn (Đường Thạch Hãn nối dài cũ)	Đoạn từ giáp đường Bạch Đằng đến đường Cao Bá Quát.	4b
46	Huỳnh Thúc Kháng	Đoạn từ đường Hữu Nghị đến giáp đường Nguyễn Huệ.	4a
47	Xuân Diệu (Đường khóm Xuân Phước cũ)	Đoạn từ Huyện Trần Công Chúa đến giáp đường Phạm Văn Đồng	4a
48	Nguyễn Thiện Thuật	Giáp đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Lê Lai.	4a
49	Hồ Bá Kiện	Đoạn từ giáp đường Hoàng Hoa Thám đến hết thửa đất số 219 (hết thửa đất bà Lê Thị Hồng Lan), Tờ bản đồ số 30 và thửa đất số 183 (hết thửa đất bà Trần Thị Như Ánh), tờ bản đồ số 30.	4a
50	Cao Bá Quát	Đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến giáp đường Thạch Hãn.	4a
51	Đặng Tất	Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Huệ.	4a
52	Đặng Tất	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp Đường Hồ Tùng Mậu (dự kiến đặt tên).	4c
53	Hải Thượng Lãn Ông	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Ông Ích Khiêm	4b
54	Đặng Thí (Đường khóm Trung 9 cũ)	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Hai Bà Trưng (đường cũ là Cù Bai).	4b

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
55	Phan Đăng Lưu	Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn.	4b
56	Lê Chương	từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai.	4b
57	Nguyễn Thị Minh Khai	Từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Thị Tâm.	4b
58	Nguyễn Hữu Đồng	Đoạn từ đường Lê Thế Tiết hết thửa đất số 19-3, tờ bản đồ số 42 (Ông Trí).	4c
59	Đặng Văn Ngữ	Đoạn từ Nguyễn Hữu Đồng đến giáp đường Đoàn Thị Điểm (dự kiến đặt tên)	4c
60	Trần Quý Cáp	Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết thửa 98, tờ bản đồ số 34 (Bà Tự) và thửa đất số 120, tờ số 34 (ông Thuận)	4b
61	Ông Ích Khiêm	Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến giáp đường Kim Đồng.	4b
62	Nguyễn Tự Như	Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Nguyễn Văn Tường (Dự kiến đặt tên).	4b
63	Lê Văn Huân	Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến hết thửa số 01 (hết thửa đất bà Trần Thị Thu Huyền), tờ bản đồ địa chính số 38.	4b
64	Lê Văn Kính (Đường nội khóm Tân Kim (Kiệt Hoàng Hoa Thám) cũ)	Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Thạch Hãn.	4b
65	Đào Duy Anh	Đoạn từ Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn	4c
66	Phùng Hưng	Đoạn từ Lê Thế Tiết đến đường Thạch Hãn	4c
67	Nguyễn Bình Khiêm	Đoạn từ Lê Thế Tiết đến Giáp đường Lê Văn Huân.	4b
68	Trần Thị Tâm	Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Thị Minh Khai	4c
69	Phan Huy Chú	Đoạn từ Huỳnh Thúc Kháng đến giáp đường Xuân Diệu (Dự kiến đặt tên).	4c
70	Nguyễn Thị Lý (Đường nội khóm Trung 9 cũ)	Đoạn từ đường Quốc lộ 9 (nhà ông Dẫn) đến giáp đường Phạm Văn Đồng	4c

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
71	Khóa Bảo	Đoạn từ đường Hồng Chương đến giáp đường Lê Văn Huân	4c
72	Đoàn Thị Điểm (Đoạn đường nội khóm Vĩnh Hoa cũ)	Từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Hữu Đồng.	4c
73	Hồng Chương	Từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Thạch Hãn.	4c
74	Nguyễn Công Trứ	Đoạn từ Lê Thế Tiết đến đường Thạch Hãn	4d
75	Đoàn Bá Thừa	Đoạn từ đường Phùng Hưng đến giáp đường Lê Thế Tiết.	4d
76	Hồ Tùng Mậu (Đường nội khóm Cao Việt cũ)	Đoạn từ Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết	4d
77	Hàn Mặc Tử	Cả tuyến đường	4c
78	Lê Trinh	Cả tuyến đường	4c
79	Hàn Thuyên	Cả tuyến đường	4c
80	Tô Hiệu	Cả tuyến đường	4b
81	Lê Đại Hành	Cả tuyến đường	3d
82	Nguyễn Thái Học	Cả tuyến đường	3d
83	Nguyễn Văn Trỗi	Cả tuyến đường	4a
84	Hồ Sĩ Thản	Cả tuyến đường	4a
85	Trương Vĩnh Ký	Cả tuyến đường	4a
86	Minh Mạng	Đoạn đường đất có mặt cắt từ 6m đến 8m	4c
87	Hà Huy Giáp	Cả tuyến đường	4c
88	Lý Thánh Tông	Cả tuyến đường	4c
89	Nam Cao	Cả tuyến đường	4a
90	Trần Quỳnh	Cả tuyến đường	4a
91	Mạc Đĩnh Chi	Cả tuyến đường	4b
92	Âu Cơ	Cả tuyến đường	4b
93	Lạc Long Quân	Cả tuyến đường	4b
94	Hoàng Văn Thụ	Cả tuyến đường	4b
95	Hồ Xuân Lư	Cả tuyến đường	4a
96	Đặng Dung	Cả tuyến đường	4c
97	Hoàng Hữu Cháp	Cả tuyến đường	4c
98	Nguyễn Văn Cừ	Cả tuyến đường	4c
Các đoạn đường còn lại có mặt cắt			
1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau			
1	- Mặt cắt từ 25m trở lên:		3c
2	- Mặt cắt từ 15m đến dưới 25m:		3d

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
3	- Mặt cắt từ 8m đến dưới 15m:		4a
4	- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		4b
5	- Mặt cắt từ 3 m đến dưới 6m:		4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.			
2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:			
1	- Mặt cắt từ 25m trở lên:		3d
2	- Mặt cắt từ 15m đến dưới 25m:		4a
3	- Mặt cắt từ 8m đến dưới 15m:		4b
4	- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		4c
5	- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		4d
3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.			

2. Khu vực đất ở nông thôn

STT	Tên đường
A. Đất ở nông thôn tại các vị trí Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh	
I	Khu vực 2
	Xã Tân Long: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9, từ điểm giáp xã Tân Thành đến hết đất ông Đỗ Đức Trị và bà Võ Thị Lạc, thôn Long Hợp;
	Xã Tân Lập: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 đoạn từ đường vào bản Bù và hết đất ông Võ Văn Đức, thôn Tân Tài đến hết đất ông Lê Văn Đoái và đình làng Tân Thuận.
	Xã Tân Liên: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 đoạn từ điểm giáp đất hộ ông Nguyễn Hữu Đại và ông Nguyễn Hữu Hà đến điểm giáp thị trấn Khe Sanh.
	Xã Hướng Phùng, Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ thửa đất số 117 và thửa đất số 172 tờ bản đồ số 29 đến hết thửa đất số 53 tờ bản đồ 29 và thửa đất số 85 tờ bản đồ số 29
II	Khu vực 3
	Xã Tân Thành: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9, từ điểm giáp thị trấn Lao Bảo đến điểm giáp xã Tân Long.
	Xã Tân Lập: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 đoạn từ đất hộ ông Lê Văn Đoái và đình làng Tân Thuận đến điểm giáp xã Tân Long; các thửa đất dọc Quốc lộ 9 đoạn từ đường vào bản Bù và đất hộ ông Nguyễn Văn Đức, thôn Tân Tài đến điểm giáp xã Tân Liên.
	Xã Tân Liên: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 đoạn từ xã Tân Lập đến điểm giáp đất hộ ông Nguyễn Hữu Đại và ông Nguyễn Hữu Hà, thôn Tân Hòa.
	Xã Hướng Phùng: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ thửa đất số 117 và thửa đất số 172 tờ bản đồ số 29 đến hết Trạm sửa chữa tổng hợp E52, Đoàn KTQP 337 và ông Trần Mậu Thắng; Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ hết thửa đất số 53 tờ bản đồ 29 và hết thửa đất số 85 tờ bản đồ số 29 và đường thôn đến hết Hạt quản lý đường bộ Hồ Chí Minh (nhánh Tây)

STT	Tên đường
III	Khu vực 4
	Xã Tân Long: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 từ đất hộ ông Đỗ Đức Trị và bà Võ Thị Lạc, thôn Long Hợp đến điểm giáp xã Tân Lập;
	Xã Tân Thành: Các thửa đất dọc đường đi vào Khu Công nghiệp đoạn từ Quốc lộ 9 đi đến ngã ba đường vào nghĩa địa Tân Thành
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ ngã ba Quốc lộ 9 đến Km1; Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 từ điểm giáp thị trấn Khe Sanh đến hết nhà ông Lê Hy và ông Trần Văn Tụ.
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất thuộc dọc đường Quốc lộ 9 đoạn từ điểm giáp Thị trấn Khe Sanh đến hết nhà ông Lê Hy và Ông Trần Văn Tụ
	Xã Hướng Phùng: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ Trạm sửa chữa tổng hợp E52, Đoàn KTQP 337 đến hết đất hộ ông Phan Thành Danh và ông Phan Ngọc Long, thôn Cổ Nhồi; Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ điểm hết ranh giới thửa đất Doanh nghiệp tư nhân Đình Tàu đến giáp xã Hướng Linh.
	Xã Hướng Lập: Đường Hồ Chí Minh từ cầu Sê Bông Hiêng đến hết thôn Cha Ly.
IV	Khu vực 5
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ Km1 (đất hộ ông Nguyễn Lộc) đến giáp xã Hướng Tân.
	Xã Hướng Tân: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh từ điểm giáp xã Tân Hợp, thị trấn Khe Sanh đến điểm hết đất hộ ông Trần Xuân Có và đường thôn.
	Xã Hướng Phùng: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ điểm hết đất hộ ông Phan Thành Danh và ông Phan Ngọc Long, thôn Cổ Nhồi đến hết ranh giới thửa đất Doanh nghiệp tư nhân Đình Tàu.
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất thuộc dọc đường Quốc lộ 9 đoạn từ nhà ông Hồ Chí Thanh đến tiếp giáp xã Đakrông huyện Đakrông
V	Khu vực 6
	+ Xã Hướng Tân: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh từ điểm hết đất hộ ông Trần Xuân Có và đường thôn đến điểm giáp xã Hướng Linh.
	+ Xã Hướng Phùng: Các thửa dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ điểm hết Hạt quản lý đường bộ Hồ Chí Minh (nhánh Tây) đến giáp xã Hướng Việt.
	+ Xã Hướng Việt: Các thửa đất dọc tuyến đường mòn Hồ Chí Minh đoạn từ cổng chào xã Hướng Việt đến hết trụ sở UBND xã Hướng Việt và Trường THCS Hướng Việt; Các thửa đất dọc đường mòn Hồ Chí Minh (từ ngã ba đi Cửa khẩu phụ Tà Rùng) đến hết đất của khẩu phụ Tà Rùng; các thửa đất dọc đường trung tâm xã từ cầu Ngâm, xã Hướng Việt đến hết đất hộ ông Hồ Ra Long và đường thôn.
	+ Xã Hướng Lập: Đường Hồ Chí Minh còn lại.
	+ Xã Tân Hợp: Các thửa đất thuộc dọc đường Quốc lộ 9 đoạn từ hết nhà ông Lê Hy và Ông Trần Văn Tụ đến nhà ông Hồ Chí Thanh
B. Đất ở các xã miền núi	
I.	Khu vực 1

STT	Tên đường
	Xã Tân Long: Các thửa đất dọc Tỉnh lộ 586, đoạn từ ngã ba Tân Long đi đến hết nhà ông Đỗ Tuấn Anh và ông Mai Chiêm Hữu, thôn Long Hợp.
	Xã Hướn Phụng: Các thửa đất dọc đường đi Hướn Sơn, đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến hết Trường PTTH Hướn Phụng và đất hộ ông Trương Thanh Lành.
II	Khu vực 2
	Xã Hướn Phụng: Các vị trí dọc đường Biên giới Hướn Phụng đi thị trấn Lao Bảo đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến giáp cầu khe Trùm, thôn Doa Cũ.
	Xã Tân Long: Các thửa đất dọc Tỉnh lộ 586 đoạn từ hết nhà Ông Đỗ Tuấn Anh và Ông Mai Chiêm Hữu, thôn Long Hợp đến giáp cầu La La
III	Khu vực 3
	Xã Tân Long: Các thửa đất dọc trục đường chính đi thôn Xi Núc, từ Quốc lộ 9 đến giáp suối Long Phụng.
	Xã Tân Lập: Các thửa đất dọc trục đường chính đi suối La La, từ Quốc lộ 9 đến giáp suối La La.
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất dọc đường trung tâm xã, đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết đất ông Nguyễn Quốc và hộ ông Lê Toàn; Các thửa đất dọc đường thôn Tân Xuyên đoạn từ giáp đất ông Nguyễn Thành và ông Nguyễn Sơn đến hết đất ông Dương Tường và Trường Trung học cơ sở Tân Hợp.
	Xã Hướn Phụng: Các thửa đất dọc trục đường chính đoạn từ giáp đường Hồ Chí Minh đến hết Trường THCS xã Hướn Phụng.
	Xã Thuận: Các thửa đất dọc đường Tỉnh lộ 586 đoạn từ nhà ông Nguyễn Dương Tài và ông Lê Đức Sơn đến hết nhà ông Nguyễn Chiến Hào và tường rào phía ngoài của Nhà máy sản; Các thửa đất dọc đường Tỉnh lộ 586 đoạn từ giáp cây xăng Ngọc Anh và ông Hồ Xa Cách đến giáp nhà ông Pả Cự và ông Pả Mướt; Các thửa đất dọc đường từ xã Thuận đi xã Hướn Lộc đoạn từ ngã ba xã Thuận đến hết đất của ông Nguyễn Cao Kỳ và bà Lê Thị Mai.
	Xã A Dơi: Tỉnh lộ 586 qua thôn Hợp Thành, thôn P rãng Xy, thôn Princ từ Km23 đến Km24.
IV	Khu vực 4
	Xã Tân Thành: Các thửa đất dọc trục đường chính của bản Hà, bản Lệt; Các thửa đất còn lại.
	Xã Tân Long: Các thửa đất dọc trục đường chính của bản Xi Núc còn lại; Các thửa đất còn lại.
	Xã Tân Lập: Các thửa đất dọc đường trung tâm xã đoạn từ giáp nhà ông Nguyễn Đăng Cả và ông Nguyễn Đình Liệu, thôn Tân Sơn đến giáp Quốc lộ 9 (nhà ông Hoàng Văn Dũng và bà Lê Thị Vân, thôn Tân Thuận).
	Xã Hướn Tân: Đoạn đường Hùng Vương nối dài qua xã Hướn Tân: Đoạn từ ông Nguyễn Văn Việt đến giáp đường Hồ Chí Minh
	Xã Tân Liên: Các thửa đất dọc đường trung tâm xã tuyến 1, đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Quang đến cổng chào thôn Tân Hào
	Xã Tân Liên: Các thửa đất dọc đường ĐH86 từ Quốc lộ 9 đến nhà ông Sơn thôn Tân Hữu.

STT	Tên đường
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất dọc đường trung tâm xã (thôn Tân Xuyên) đoạn từ hết đất ông Nguyễn Quốc và hộ ông Lê Toàn đến hết đất ông Lê Văn Tâm và ông Lê Bình.
	Xã Hướng Tân: Các thửa đất còn lại.
	Xã Hướng Phùng: Các vị trí dọc đường Biên giới Hướng Phùng đi thị trấn Lao Bảo đoạn từ cầu khe Trùm, thôn Doa Cù đến cầu khe Cà Lăm, thôn Hướng Độ (giáp ngã ba đi cửa khẩu phụ Cheng).
	Xã Thuận: Các thửa đất dọc đường Tỉnh lộ 586 đoạn từ cầu La La đến giáp nhà ông Nguyễn Dương Tài và ông Lê Đức Sơn; Các thửa đất dọc đường Tỉnh lộ 586 đoạn từ hết nhà ông Nguyễn Chiến Hào và tường rào phía ngoài của Nhà máy Sắn đến giáp cây xăng Ngọc Anh và ông Hồ Xa Cách; Các thửa đất dọc đường Tỉnh lộ 586 đoạn từ giáp nhà ông Pả Cúp và ông Pả Mướt đến giáp xã Thanh.
	Xã Lìa: Các thửa đất dọc đường Tỉnh lộ 586 đoạn từ điểm giáp xã A Xing đến điểm hết đất hộ ông Hồ Văn Sơn (Ấm Tinh), thôn A Xóc Lìa và đường đi xã Xy; Các thửa đất dọc đường đi thôn A Sau đoạn từ điểm giáp Tỉnh lộ 586 đến điểm hết đất hộ ông Hồ Văn Sơn (Ấm Tinh), thôn A Xóc Lìa và đường đi xã Xy
	Xã Lìa: Các thửa đất dọc trục đường chính đoạn từ đất hộ ông Hồ Văn Kheng (Ấm Dui) và Nghĩa địa, thôn A Rông đến hết đất hộ ông Côn Xuôi (A Quan), thôn A Quan
	Xã A Dơi: Tỉnh lộ 586 qua thôn Princ, A Dơi Cô từ Km25 đến Km25; Tỉnh lộ 586 qua A Dơi Cô, A Dơi Đờ từ Km25 đến Km28.
	Xã Ba Tầng: Tỉnh lộ lìa 586 (từ giáp xã A Dơi đến hết xã Ba Tầng)
	Xã Lìa: Tỉnh lộ lìa 586
	Xã Hướng Linh: Các thửa đất dọc các trục đường chính.
	Xã Hướng Lộc: Các thửa đất dọc các trục đường chính.
	Các xã còn lại: Các thửa đất dọc trục đường chính của xã.
V	Khu vực 5
	Xã Tân Lập: Các thửa đất dọc trục đường chính của bản Cồn, bản Bù, bản Vây 1, bản Vây 2.
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất dọc đường thôn Tân Xuyên đoạn từ giáp đất ông Hoàng Đức Long và Trường Mầm non Tân Hợp đến hết đất ông Nguyễn Mạnh và đường thôn.
	Xã Tân Liên: Các thửa đất còn lại của các thôn trừ thôn Cheng
	Xã Hướng Tân: Các thửa đất dọc trục đường chính của thôn Xa Re, thôn Ruộng.
	Xã Hướng Phùng: Các thửa đất dọc đường ra Cửa khẩu phụ đoạn từ ngã ba thôn Hướng Độ đến hết trạm Biên phòng Cheng; các thửa đất dọc đường đi thôn Phùng Lâm đoạn từ đường biên giới Hướng Phùng đi Lao Bảo đến ngã ba đi thôn Hướng Hải; Các thửa đất dọc đường đi từ cầu tràn, thôn Phùng Lâm đến giáp đường Hồ Chí Minh; Các thửa đất dọc trục đường chính của các đường nông thôn xã Hướng Phùng còn lại.
	Xã Thuận: Các thửa đất dọc các trục đường chính của các đường vào các thôn, bản còn lại.

STT	Tên đường
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất đoạn từ điểm giáp với Quốc lộ 9 dọc đường thôn Quyết Tâm và đường thôn Hòa Thành đến đất bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Phan Văn Hóa
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất đoạn từ điểm đất nhà ông Nguyễn Sơn dọc đường thôn Tân Xuyên đến đất ông Nguyễn Hữu Ái và ông Lê Hợi
	Xã Lìa: Các thửa đất dọc trục đường chính của các đường còn lại.
	Xã Thanh: Đường Tỉnh lộ 586 từ giáp ranh giới xã Thuận đến Km14; Đường Tỉnh lộ 586 từ Km14 đến Cầu Tràn - Khe Ta Bia; Đường Tỉnh lộ 586 từ Cầu Tràn - Khe Ta Bia đến giáp ranh giới xã A. Xing; Đường Quốc phòng.
	Xã A Dơi: Đường liên thôn Qua Thôn P rãng xi, Proi, Tân Hải, Trung Phước; Đường liên thôn Qua Trung Phước, Phong Hải; Đường liên thôn qua princ; Đường liên thôn qua cả Thôn Princ và Xa Doan.
VI	Khu vực 6
	Xã Tân Thành: Các thửa đất còn lại của bản Hà, bản Lệt và các thửa đất thôn Xa Rương (xã Hướng Tân).
	Xã Tân Long: Các thửa đất còn lại của bản Xi Núc và bản Làng Vây.
	Xã Tân Lập: Các thửa còn lại của bản Cồn, bản Bù, bản Vây 1, bản Vây 2.
	Xã Tân Liên: Các thửa còn lại của thôn Cheng.
	Xã Tân Hợp: Các thửa đất còn lại.
	Xã Hướng Tân: Các thửa đất thôn Cu Vơ và các thửa đất còn lại của thôn Xa Re, thôn Ruộng.
	Xã Hướng Phùng: Các thửa đất còn lại.
	Xã Thuận: Các thửa đất còn lại.
	Xã Lìa: Các thửa đất còn lại.
	Xã Hướng Việt: Các thửa đất còn lại.
	Xã Thanh: Các thửa đất còn lại.
	Xã A Dơi: Các thửa đất còn lại.
	Xã Ba Tầng: Các thửa đất còn lại.
	Xã Húc: Các thửa đất còn lại.
	Xã Hướng Lập: Các thửa đất còn lại.
	Xã Hướng Linh: Các thửa đất còn lại.
	Xã Hướng Lộc: Các thửa đất còn lại.
	Các xã còn lại: Các thửa đất còn lại

PHỤ LỤC VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC VI KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 49/2019/QĐ-UBND
NGÀY 20/12/2019 CỦA UBND TỈNH VỀ BAN HÀNH BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT
VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAKRÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 04/2025/QĐ-UBND ngày 14/02/2025
của UBND tỉnh Quảng Trị)

I. BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Đất ở Thị trấn Krông Klang

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	4.500	1.575	1.170	900
1b	4.000	1.400	1.040	800
1c	3.600	1.260	936	720
1d	3.200	1.120	832	640
2a	3.000	1.050	780	600
2b	2.700	945	702	540
2c	2.400	840	624	480
2d	2.100	735	546	420
3a	1.800	630	468	360
3b	1.500	525	390	300
3c	1.200	420	312	240
3d	750	263	195	150
4a	600	210	156	120
4b	450	158	117	90

2. Đơn giá đất ở tại nông thôn

2.1 Đất ở xã miền núi

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
1	350	300	270	250	150
2	308	273	243	223	120
3	280	246	216	195	105
4	252	218	189	166	90

2.2 Đất ở tại các vị trí Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
1	1.500	1.120	920	850
2	1.200	980	854	785
3	1.050	910	789	719
4	975	840	723	654

II. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ, VỊ TRÍ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

1. Phân loại đường phố Thị trấn Krông Klang: Áp dụng Bảng 1 mục I

Phụ lục số VII

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
1	Lê Duẩn	Kiệt 1 đường Lê Duẩn đến Ngã ba đường Hai Bà Trưng	1a
2	Lê Duẩn	Đoạn từ ngã ba vào đường Nguyễn Tất Thành đến Kiệt 1 đường Lê Duẩn	1b
3	Lê Duẩn	Ngã ba đường Hai Bà Trưng đến ngã ba giáp đường Nguyễn Chí Thanh.	1b
4	Lê Duẩn	Đoạn giáp ngã ba vào đường Nguyễn Tất Thành đến Cầu Sa Mưu	1d
5	Lê Duẩn	Cầu Sa Mưu đến cầu Giêng.	2a
6	Lê Duẩn	Đoạn giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến Cầu Calu	2c
7	Lê Duẩn	Cầu Calu đến cầu Khe Xôm.	2d
8	Lê Duẩn	Đoạn từ cầu Giêng đến giáp ranh xã Hướng Hiệp.	2d
9	Hùng Vương	Đoạn giáp đường Lê Duẩn đến Cầu San Ruôi.	1c
10	Hùng Vương	Đoạn từ cầu San Ruôi đến cầu X.	2c
11	Hùng Vương	Đoạn từ cầu X đến giáp ranh xã Mò Ó.	3d
12	Nguyễn Huệ	Đoạn giáp đường Lê Duẩn đến ngã tư giáp đường Bùi Dục Tài.	2b
13	Nguyễn Huệ	Đoạn từ ngã tư giáp đường Bùi Dục Tài đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh.	2c
14	Ngô Quyền	Đoạn giáp đường Lê Duẩn đến ngã tư giáp đường Bùi Dục Tài.	2c
15	Ngô Quyền	Đoạn giáp ngã tư đường Bùi Dục Tài đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh.	2d
16	Nguyễn Chí Thanh	Cả tuyến đường	2d
17	Nguyễn Tất Thành	Đoạn giáp đường Lê Duẩn đến thửa đất số 367, tờ bản đồ số 11	2d
18	Nguyễn Tất Thành	Đoạn từ cống thoát nước liền kề thửa đất số 367, tờ bản đồ 11 đến giáp đường Hùng Vương	3a
19	Bùi Dục Tài	Cả tuyến đường	3a
20	Kiệt 1 Hùng Vương	Cả tuyến đường	3a
21	Lê Lợi	Đoạn giáp đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hoàn.	3a
22	Lê Lợi	Từ ngã 3 giáp đường Trần Hoàn đến thửa đất số 503, tờ bản đồ số 11	3b
22	Lê Lợi	Từ thửa đất số 503, tờ bản đồ số 11 đến	3c

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
		giáp với đường tỉnh 588a	
23	Nguyễn Du	Cả tuyến đường	3a
24	Kim Đồng	Cả tuyến đường	2d
25	Hai Bà Trưng	Đoạn giáp đường Lê Duẩn đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2d
26	Kiệt 01 Lê Duẩn.	Cả tuyến đường	3b
27	Trần Phú	Cả tuyến đường	3b
28	Huyền Trân Công Chúa	Cả tuyến đường	3b
29	Trần Hoàn	Cả tuyến đường	3b
30	Nguyễn Hoàng	Cả tuyến đường	3c
31	Trần Hưng Đạo	Đoạn từ thửa đất số 353, tờ bản đồ số 11 đến hết đường.	3a
32	Trần Hưng Đạo	Đoạn từ ngã 3 giáp đường Lê Lợi đến hết tuyến đường	4a
33	Kiệt 1 Trần Hưng Đạo	Cả tuyến đường	3a
34	Kiệt 2 Trần Hưng Đạo	Cả tuyến đường	3a
35	Kiệt 3 Trần Hưng Đạo	Cả tuyến đường	3a
36	Điện Biên Phủ	Cả tuyến đường	3d
37	Nguyễn Trãi	Cả tuyến đường	3d
38	Phan Bội Châu	Cả tuyến đường	3d
39	Tổ Hữu	Cả tuyến đường	4a
40	Kiệt 2 Hùng Vương	Cả tuyến đường	4a
41	Đường Lê Thế Hiếu	Đoạn khóm A Ròng	4a
42	Đường Điện Biên Phủ (nối dài)	Đoạn nối dài	4a
43	Đường Hai Bà Trưng	Đoạn từ giáp đường Lê Duẩn đến nhà máy nước	4a
44	Kiệt 3 Hùng Vương		4a
45	Đường vào Làng Mỏ		4a
46	Các đường nhánh khu đầu giá tuyến đường T4 (GD1)		3c
Các đoạn đường còn lại có mặt cắt			
1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau			
1	- Mặt cắt từ 20m trở lên:		3a
2	- Mặt cắt từ 13m đến dưới 20m:		3b
3	- Mặt cắt từ 8m đến dưới 13m:		3c
4	- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m:		3d
5	- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		4a
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.			

STT	Tên đường	Đoạn đường	Loại đường
2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:			
1	- Mặt cắt từ 20m trở lên:		3b
2	- Mặt cắt từ 13m đến dưới 20m:		3c
3	- Mặt cắt từ 8m đến dưới 13m:		3d
4	- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m		4a
5	- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:		4b
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.			

2. Khu vực đất ở nông thôn

STT	Tên đường
A. Đất ở nông thôn tại các vị trí Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh	
I	Khu vực 1
	Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua xã Tà Rụt): Đoạn từ thửa đất số 35, tờ bản đồ số 32; đến hết thửa số 59, tờ bản đồ số 36.
	Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua xã A Ngo): Đoạn từ Trạm quản lý điện La lay (thửa đất số 442, tờ bản đồ số 15) đến hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 19.
II	Khu vực 2
	Quốc lộ 9 (đoạn qua xã Hướng Hiệp): Đoạn giáp ranh Thị trấn Krông Klang đến hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 39 (khu gia đình Kho KC 84).
	Quốc lộ 9 (đoạn qua xã Đăkrông): Đoạn từ cây xăng Cầu treo Đăkrông đến hết đất Bưu điện văn hóa xã Đăkrông
	Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua xã Đăkrông): Đoạn giáp cầu treo đến hết thửa đất số 27, tờ bản đồ số 25.
III	Khu vực 3
	Xã Hướng Hiệp: Các thửa đất mặt tiền giáp Quốc lộ 9 (trừ đoạn phân loại theo khu vực tại các vị trí Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh). Cách khu vực 2 (về 2 phía) không quá 600 mét
	Xã Đăkrông: Các thửa đất mặt tiền giáp Quốc lộ 9 hoặc giáp đường Hồ Chí Minh (trừ đoạn phân loại theo khu vực tại các vị trí Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh). Cách khu vực 2 (về 2 phía) không quá 60 mét.
	Xã A Bung: Các thửa đất mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh hoặc giáp Quốc lộ 15D (trừ đoạn phân loại theo khu vực tại các vị trí Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh) cách đường vào UBND xã (về 2 phía) không quá 60 mét.
	Các xã Húc Nghi, Tà Long: Các thửa đất mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh (trừ đoạn phân loại theo khu vực tại các vị trí Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh). Cách UBND xã (về 2 phía) không quá 60 mét.
	Các xã: Tà rụt, A Ngo: Các thửa đất mặt tiền giáp đường Hồ Chí Minh hoặc giáp Quốc lộ 15D (trừ đoạn phân loại theo khu vực tại các vị trí Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh). Cách khu vực 1 không quá 60 mét.
IV	Khu vực 4
	Các thửa đất còn lại dọc Quốc lộ 9 và đường Hồ Chí Minh.

STT	Tên đường
B. Đất ở các xã miền núi	
I	Khu vực 1
	Xã Hướng Hiệp: Các thửa đất nằm trên các trục giao thông chính, khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã).
	Xã Đakrông: Các thửa đất nằm trên các trục giao thông chính, khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã) hoặc liền kề khu du lịch cộng đồng thôn Ka Lu
	Các xã: Tà rụt, Húc Nghi, Tà Long: Các thửa đất nằm trên các trục giao thông chính, khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã)
	Các xã: A Ngo, A Bung: Các thửa đất nằm trên các trục giao thông chính, khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã)
	Các xã: Ba lòng, Triệu Nguyên, Mò Ó: Các thửa đất mặt tiền giáp đường tỉnh 588a, nằm tại trung tâm xã, cụm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã)
II	Khu vực 2
	Xã Hướng Hiệp: Các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã).
	Xã Đakrông: Các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã) hoặc liền kề khu du lịch cộng đồng thôn Ka Lu.
	Các xã: Tà rụt, Húc Nghi, Tà Long: Các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã).
	Các xã: A Ngo, A Bung: Các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã)
	Các xã: Ba lòng, Triệu Nguyên, Mò Ó: Các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã)
	Các xã: A Vao, Ba Nang: Các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, nằm trong khu vực trung tâm xã (có bán kính không quá 700 mét so với trụ sở UBND xã)
III	Khu vực 3
	Quốc lộ 15D: Đoạn từ ngã ba La Lay đến hết thửa đất số 74 tờ bản đồ số 19)
IV	Khu vực 4
	Xã A Vao, Ba Nang: Là các thửa đất nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5 mét trở lên, nằm tiếp sau phần đất khu vực 2
	Các vị trí còn lại của các xã: Ba Lòng, Hướng Hiệp, Triệu Nguyên, Mò Ó, Đakrông, Tà Rụt, A Ngo và A Bung.
V	Khu vực 5
	Các vị trí còn lại của các xã: Tà Long, Húc Nghi, Ba Nang và A Vao